TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Ông Mạc Minh Quang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 21/02/1984.

Nơi cư trú trước khi nhập cảnh: xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh ngày 01/11/1986

Nơi cư trú trước khi nhập cảnh: Ả rập xê út.

Nơi ĐKHKTT: xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964; Nơi cư trú: xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và có quan điểm xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T vào ngày 30/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình nhà anh ở xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn những không căng thẳng. Đến năm 2015, anh đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Sau đó, đến tháng 3/2016 chị T đi xuất khẩu lao động tại Ả rập xê út mà

không bàn bạc với anh và gia đình, để lại hai con cho bố mẹ anh chăm sóc. Và kể từ thời điểm đó vợ chồng không liên lạc và sống ly thân được 2 năm nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Lan A1, sinh ngày 31/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 15/11/2013. Hiện hai con đang ở cùng với bố mẹ anh. Quan điểm của anh Đ là anh nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Còn nếu chị T có nguyện vọng xin nuôi một con thì anh cũng nhất trí. Nếu anh được nuôi con thì anh ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Bùi Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không có.

Hiện nay, anh Đ lao động tại Đài Loan, không có mặt ở Việt Nam để giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Bùi Thị L giao, nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

** Bị đơn chị Trương Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng. Chị và anh Đ mâu thuẫn căng thẳng kể từ thời điểm đầu năm 2016 khi chị đi lao động tại Ả rập xê út, nguyên nhân do anh Đ không đồng ý cho chị đi. Kể từ thời điểm đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Vào đầu tháng 3/2018, chị đã về Việt Nam nhưng không về gia đình anh Đ chung sống. Quan điểm của chị là vợ chồng không còn tình cảm, anh Đ xin ly hôn, chị nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh Đ trình bày là đúng. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Lan A1, còn anh Đ nuôi cháu Nguyễn Ngọc A2 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không có.

** Bà Bùi Thị L (mẹ đẻ anh Nguyễn Văn Đ) trình bày*: Hiện nay, hai con của anh Đ chị T do bà chăm sóc. Nếu anh Đ được nuôi con thì bà nhất trí nhận sự ủy quyền của anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh Đ trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam và nhất trí nhận sự ủy quyền của anh về việc giao, nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự vắng mặt, có quan điểm xin được giải quyết vụ án vắng

mặt và giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày ở giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T; về conchung: giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan A1, giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A2 và anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, công nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Khi Tòa án thụ lý vụ án chị Trương Thị T đang lao động tại Ả rập xê út nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ, chị T và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên toà. Tuy nhiên các đương sự có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T vào ngày 30/6/2011, do vậy Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên qua lời khai của anh Đ và chị T thể hiện: quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và mẫu thuẫn căng thẳng từ thời điểm đầu năm 2016, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về việc chị T đi xuất khẩu lao động, vì vậy vợ chồng đã không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Đ xin ly hôn, chị T nhất trí nên cần công nhận thuận ly hôn giữa anh Đ và chị T.

- Về con chung: Anh Đ và chị T có hai con chung là Nguyễn Lan A1, sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 15/11/2013; các cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh Đ. Xét thấy, chị T đã về Việt Nam sinh sống, các cháu đều con nhỏ tuổi nên cần giao cho mỗi người nuôi một con, giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan A1, anh Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A2 và anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam nên tạm giao cháu

Nguyễn Ngọc A2 cho bà Bùi Thị L nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Về công nợ chung: anh chị không có.

[3]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thực hiện việc ủy thác tống đạt, anh Đ tự nguyện chịu cả và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trương Thị T.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Nguyễn Văn Đ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 15/11/2013; giao cho chị Trương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan A1, sinh ngày 31/01/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc A2 cho bà Bùi Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

- Anh Đ và chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003294 ngày 14/02/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Mạc Minh Quang